TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97 /2021/HNGĐ - ST
Ngày: 09- 7- 2021
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diện
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Toàn
2. Ông Quách Tử Điệc

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên toà: Không tham gia

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 về việc "tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/ QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Tuấn M, sinh năm 1978 (xin vắng)
Địa chỉ: số 19B/2 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.
- *Bị đơn*: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ: số 19B/2 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 18/3/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn M trình bày: Anh và chị N qua quen biết tiến đến hôn nhân có tổ chức hôn lễ theo tập quán, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/11/2009 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi cưới thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì thường xảy ra mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải nhau, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Anh, chị đã không còn sống chung với nhau từ tháng 9/2020 đến nay. Nay Anh không còn tình cảm với chị N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/12/2010 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 10/8/2017. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H và cháu A, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Anh cam kết không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thừa nhận lời trình bày của anh M về các vấn đề là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo chị là do anh M không chung thủy với chị nên chị dọn nhà ra ở riêng. Nếu anh M sửa đổi và đồng ý rút đơn khởi kiện thì chứng minh cho chị thấy một thời gian sau chị sẽ quay về chứ chị không đồng ý quay về sống chung với anh M ngay sau khi anh M rút đơn khởi kiện. Trường hợp anh M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện thì chị đồng ý ly hôn với anh M

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/12/2010 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 10/8/2017. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Tại phiên toà hôm nay:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn M có đơn xin xét xử vắng mặt do có biểu hiện sốt nhẹ nghi bị nhiễm covid -19 nên không dự phiên toà được. Đồng thời vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

- Bị đơn chị Phạm Thị N vắng mặt nhiều lần không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Phạm Thị N vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai; anh M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị N tiến đến hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của anh M thể hiện: Anh và chị N đã không còn sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay. Tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc gia đình*". Anh và chị N không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau cùng chia sẽ công việc gia đình và Tại Khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình quy định: *"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được".* Tuy giữa anh M và chị N không có xảy ra tình trạng bạo lực gia đình và cũng không có chứng cứ để chứng minh Anh hay chị N có những lời lẽ vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của bên còn lại nhưng tình trạng hôn nhân của Anh, Chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng vì Anh, Chị không còn sống chung với nhau từ tháng 9/2020 đến nay

làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên hòa giải ngày 28/4/2021 chị N cũng đồng ý ly hôn với anh M nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh M là có cơ sở.

[3] Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/12/2010 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 10/8/2017. Anh M, chị N đều có yêu cầu được nuôi dưỡng hai con

Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/4/2021 cháu Nguyễn Ngọc H trình bày hiện cháu đang sống với cha cháu là Nguyễn Tuấn M, được cha cháu chăm sóc chu đáo về mọi mặt, vẫn được đi học bình thường. Trường hợp cha và mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với cha cháu là anh Nguyễn Tuấn M.

Đối với cháu Nguyễn Ngọc A hiện cũng sống cùng với anh M và cũng được anh M chăm sóc chu đáo,cuộc sống vẫn ổn định. Để tránh tình trạng xáo trộn về tâm sinh lý của trẻ nên Hội đồng xét xử thống nhất giao hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/12/2010 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 10/8/2017 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở

Về cấp dưỡng nuôi con: anh M không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết;

[5] Về nợ chung: đương sự cam kết không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Tuấn M phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật, có trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Tuấn M và chị Phạm Thị N

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/12/2010 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 10/8/2017 cho anh Nguyễn Tuấn M trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng

việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Ngược lại người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Về cấp dưỡng nuôi con: anh M không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Buộc Anh Nguyễn Tuấn M nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006602 ngày 26/03/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Diện